

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ  
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/HSST

Ngày: 23 - 11 - 2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Đỗ Thị Hải

Bà Mùa Thị Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Ông Hà Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Đức N**                      Tên gọi khác: Không

Sinh năm: 1995 tại Hải Phòng.

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Con ông: Lê Đức Nh và bà: Chử Thị G; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Tại bản án số 150/2023/HS-ST ngày 28/6/2023, Lê Đức N bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Bị cáo chưa đi thi hành bản án này). Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/12/2022 cho đến nay (Có mặt).

**- Bị hại:** Chị Vì Thị D - sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn C, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Có đơn xin vắng mặt)

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Chị Lò Thị H - sinh năm 1997. Nơi cư trú: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

**- Người làm chứng:**

1. Chị Lò Thị Y - sinh năm 1987. Nơi cư trú: Bản N, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

2. Chị Đinh Thị N - sinh năm 1974. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Có đơn xin vắng mặt)

3. Anh Phạm Quang H - sinh năm 1984. Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường Th, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Có đơn xin vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/8/2022 Cơ quan CSĐT Công an thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên nhận được Phiếu chuyển nguồn tin về tội phạm của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên đối với đơn tố cáo của chị Vì Thị D (có địa chỉ nêu trên) về việc bị Lê Đức N (lý lịch như trên) lừa đảo chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng.

Quá trình điều tra Lê Đức N khai nhận: Lê Đức N làm nghề tự do, không thể xin việc vào các cơ quan nhà nước. Để có tiền tiêu sài cá nhân N đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra các thông tin sai sự thật để chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể:

Ngày 10/4/2021, chị Vì Thị D đã liên lạc với N qua mạng xã hội Zalo nhờ N xin việc cho Lò Thị H (địa chỉ nêu trên) vào làm việc tại cơ quan nhà nước trong tỉnh Điện Biên. Thông qua mạng Internet, N biết Phòng Lao động - Thương binh - Xã hội huyện N, tỉnh Điện Biên có đăng thông báo tuyển dụng viên chức nhưng đã hết thời hạn nộp hồ sơ nên đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị D. N đã gọi điện thoại qua Zalo cho chị D, nói dối là tại Phòng Lao động - Thương binh - Xã hội huyện N còn trống một vị trí công việc do có người chuyển công tác đi và hứa hẹn sẽ xin được cho H vào làm việc tại vị trí này. Sau đó, N gửi ảnh của thông báo tuyển dụng đã chụp lại lúc trước cho chị D. Chị D có thắc mắc về việc đã hết thời hạn nộp hồ sơ thì N tiếp tục nói dối chị D là N đã nhờ chú Lê Hữu K (là giám đốc Sở N tỉnh Điện Biên) xin việc cho H nên vẫn xin được việc. N bảo chị D chuẩn bị hồ sơ xin việc và chi phí để xin việc cho H là 250.000.000 đồng, cần chị D đưa trước cho N 100.000.000 đồng để đưa cho người nhận hồ sơ xin việc cho H và đến tháng 10/2021, khi H có quyết định tuyển dụng vào làm việc thì đưa nốt số tiền còn lại là 150.000.000 đồng. Chị D đồng ý và thông báo lại cho chị H. Sau đó chị D đã nhận 150.000.000 đồng cùng hồ sơ chị H đưa để đi lo xin việc. Khoảng 14 giờ ngày 14/4/2021, tại quán cà phê P thuộc phường Th, thành phố Đ, chị D đã đưa cho N số tiền 100.000.000 đồng và hồ sơ xin việc của Lò Thị H. N nói dối chị D là sẽ đưa 100.000.000 đồng trên cho chú Lê Hữu K để xin việc cho H. Sau khi uống nước xong, N cầm theo tiền và hồ sơ xin việc về thuê phòng nghỉ tại khách sạn M. N có viết “Giấy nhận tiền” kí tên Lê Thế S trong đó thể hiện đã cầm tiền của

chị D và chị Y. Sau khi nhận tiền và hồ sơ xin việc, N không liên hệ với ai để xin việc cho chị H và không nộp hồ sơ xin việc của H đến cơ quan Nhà nước nào. N đã sử dụng hết 100.000.000 đồng chị D đưa vào việc riêng của mình, còn hồ sơ xin việc của chị H thì N đã đốt đi. Chị D đã nhiều lần liên lạc với N để hỏi về việc xin việc làm cho H nhưng N đều nói dối là đang chờ chưa xin được. Ngày 29/7/2022, chị D đã có đơn tố cáo Lê Đức N về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Quá trình điều tra bị hại đã nhận lại 100.000.000 đồng, có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại số tiền 100.000.000 đồng do bị hại giao lại, không có yêu cầu, đề nghị gì đối với bị cáo, không có yêu cầu bồi thường về dân sự.

Vật chứng thu giữ gồm: Quá trình điều tra bị cáo đã nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 100.000.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành. Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền này cho bị hại Vì Thị D.

Tại bản kết luận giám định số 458/KL-KTHS ngày 13/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Thế S trên các tài liệu gửi giám định với chữ ký, chữ viết Lê Thế S trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản cáo trạng số 166/CT-VKSTPĐBP ngày 30/10/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã truy tố bị cáo Lê Đức N về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 56/BLHS: Xử phạt bị cáo từ 3 năm 03 tháng đến 03 năm 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp với hình phạt 8 năm 6 tháng tù tại bản án của Tòa án nhân dân huyện Đ, bị cáo phải chấp hành từ 11 năm 09 tháng đến 12 năm 03 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Không.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về phần luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo có cơ hội sớm được trở về chăm sóc bố mẹ già.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng khác, vật chứng vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 14/4/2021 Lê Đức N đã có hành vi gian dối đưa ra thông tin sai sự thật có thể xin được việc làm trong cơ quan nhà nước để chiếm đoạt 100.000.000 đồng của chị Vì Thị D mục đích để lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản, quyền sở hữu tài sản của cá nhân được Nhà nước bảo hộ, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174/BLHS. Vì vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do hành vi của bị cáo xảy ra trước khi bị Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử nên không tính là Tái phạm.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền 100.000.000 đồng đã chiếm đoạt của bị hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51/BLHS. Ngoài ra, bị cáo có ông nội là liệt sỹ và được tặng thưởng huy chương kháng chiến, bố bị cáo được tặng Bằng khen vì đã có nhiều thành tích trong phong trào thi đua lao động sản xuất, kinh doanh, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51/BLHS đối với bị cáo.

Về nhân thân: Ngoài hành vi bị truy tố trong vụ án này, vào ngày 19/4/2021 tại nhà chị Vì Thị D, bị cáo đưa ra thông tin gian dối và nhận 50.000.000 đồng của chị Lò Thị Y, 150.000.000 đồng của chị N để xin chuyển công tác cho chị Y, xin việc cho con trai chị N. Hành vi này của bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 174/BLHS tại bản án số 150/2023/HS-ST ngày 28/6/2023. Bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị cáo chưa đi thi hành án do đang bị tạm giam để phục vụ giải quyết vụ án này.

Hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo nên hội đồng xét xử chấp nhận. Cần thiết áp dụng mức hình phạt tù phù hợp, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ý thức tuân thủ pháp luật.

[3]. Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 174/BLHS thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy hiện bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập và không có tài sản gì nên không có khả năng thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 100.000.000 đồng bị cáo giao nộp, Cơ quan CSĐT công an thành phố Điện Biên Phủ đã trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Do đó Hội đồng xét xử không giải quyết về phân trách nhiệm dân sự.

[6]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo, người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đều hợp pháp.

[7]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự; Điều 331, 333, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Đức N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" .

Xử phạt bị cáo Lê Đức N 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù tại Bản án số 150/2023/HS-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Tổng hình phạt bị cáo Lê Đức N phải chấp hành là: 11 (Mười một) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (13/12/2022).

2. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/11/2023). Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- VKSND TPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TPĐBP;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐB;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- HS THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Minh Huệ**